

Đắk Nông, ngày 21 tháng 3 năm 2024

Số: 09/2024- ĐĐN/BT10

**DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
TỪ NGÀY 21 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2024
TRÊN PHẠM VI TỈNH ĐẮK NÔNG**

I. Tình hình khí tượng:

1. Tổng kết: Trong 10 ngày qua thời tiết tỉnh Đắk Nông phổ biến: Mây thay đổi, không mưa, ngày nắng; Trong các ngày 17-18 xuất hiện nắng nóng cục bộ tại khu vực phía Bắc và phía Nam tỉnh.

So với TBNCK: Số giờ nắng cao hơn; Nhiệt độ xấp xỉ và cao hơn; Độ ẩm, bốc hơi, lượng mưa xấp xỉ và thấp hơn.

2. Dự báo: Trong 11 ngày tới, thời tiết tỉnh Đắk Nông: Thời kỳ đầu và giữa ảnh hưởng rìa phía Đông Nam áp thấp nóng phía Tây; Thời kỳ cuối rìa phía Tây Nam áp cao lạnh lục địa. Trên cao là hoàn lưu áp cao cận nhiệt đới.

Thời tiết phổ biến: Mây thay đổi, ngày nắng, thời kỳ đầu và cuối khu vực Giữa và phía Nam tỉnh có ngày chiều tối cục bộ có mưa rào và dông. Phía Bắc thời kỳ giữa có nắng nóng cục bộ. Gió đổi hướng cấp 2-3. Nhiệt độ xấp xỉ và cao hơn, lượng mưa xấp xỉ và thấp hơn so với TBNCK.

Dự báo nhiệt độ không khí và lượng mưa:

a. Khu vực các huyện phía Bắc và Đông Bắc tỉnh (Cư Jút, Krông Nô):

- Nhiệt độ không khí: Trung bình: 24,5 - 26,5⁰C; Thấp nhất: 18,0- 21,0⁰C; Cao nhất: 34,0 - 37,0⁰C

- Lượng mưa phổ biến: 5 - 15mm. (TBN: 13,4 – 20,8mm)

b. Khu vực các huyện Giữa tỉnh (Đắk Mil, Đắk Song):

- Nhiệt độ không khí: Trung bình: 23,0 - 25,0⁰C; Thấp nhất: 16,0 - 19,0⁰C; Cao nhất: 31,0 - 34,0⁰C

- Lượng mưa phổ biến: 10 - 30mm. (TBN: 10,3 – 33,0mm)

c. Khu vực các huyện phía Nam tỉnh (Tuy Đức, Đắk Rlấp, Gia Nghĩa, Đắk Glong):

- Nhiệt độ không khí: Trung bình: 23,5 - 25,5⁰C; Thấp nhất: 18,0 - 21,0⁰C; Cao nhất: 32,0 - 35,0⁰C

- Lượng mưa phổ biến: 20 - 40mm. (TBN: 29,0 - 49,8mm)

II. Tình hình thủy văn:

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 10 ngày qua: Mực nước và lưu lượng trên sông Đắk Nông (Tại trạm Thủy văn Đắk Nông) chịu ảnh hưởng của công trình cải tạo lòng hồ trung tâm TP.Gia Nghĩa và vận hành theo chế độ điều tiết hồ chứa thủy lợi. Trên sông EaKrông (Tại

trạm Thủy văn Cầu 14) và KrôngNô (Tại trạm Thủy văn Đức Xuyên) dao động theo điều tiết hồ chứa thủy điện, với biên độ phổ biến từ 1.20 – 1.30m.

2. Dự báo, cảnh báo

Trong 11 ngày tới: Mực nước và lưu lượng trên sông Đăk Nông (Tại trạm Thủy văn Đăk Nông) chịu ảnh hưởng của công trình cải tạo lòng hồ trung tâm TP. Gia Nghĩa và vận hành theo chế độ điều tiết hồ chứa thủy lợi. Trên sông Ea Krông (Tại trạm Thủy văn Cầu 14) và Krông Nô (Tại trạm Thủy văn Đức Xuyên) dao động theo điều tiết hồ chứa thủy điện, với biên độ phổ biến từ 1.20 – 1.40m.

- Cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra trong thời hạn dự báo: Có khả năng xảy ra hạn hán cục bộ và thiếu hụt nguồn nước ở những nơi không có công trình thủy lợi.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội:

- Người dân cần sử dụng hợp lý nguồn nước để phục vụ tưới tiêu; Các công trình hồ chứa thủy điện, thủy lợi cần thực hiện điều tiết xả nước để giảm thiểu những thiệt hại do hạn hán gây ra tới đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân trên địa bàn tỉnh.

- Từ khoảng thời gian 12 - 16h trong ngày nắng nóng xảy ra có khả năng ảnh hưởng tới cây trồng, sức khỏe người dân, vật nuôi và làm tăng nguy cơ xảy ra cháy nổ và hỏa hoạn.

- Mưa dông kèm theo các hiện tượng lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh có thể gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, làm gãy đổ cây cối, hư hại nhà cửa, các công trình giao thông, cơ sở hạ tầng.

Bản tin ban hành lúc 16h00' cùng ngày

Bản tin tiếp theo được ban hành vào 16h00' ngày 01/4/2024

Dự báo viên: Phan Sỹ Đồng, Nguyễn Thị Ngọc Bảo.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh Đăk Nông;
- Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Đăk Nông;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Nông;
- Đài PTTH tỉnh Đăk Nông;
- Báo Đăk Nông;
- Các phòng tài nguyên 7 huyện, 1 Thành phố;
- Lưu đơn vị.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Bình

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bảng số liệu khí tượng 10 ngày giữa tháng 03 năm 2024

| Yếu tố Trạm | Nhiệt độ không khí (°C) | | | | | Mưa | | Độ ẩm không khí (%) | | Số giờ nắng |
|--------------------|--------------------------|------|------|------|------|------------|---------|---------------------|-----------|-------------|
| | Ttb | Txb | Tntb | Tx | Tn | Lượng (mm) | Số ngày | Trung bình | Thấp nhất | Giờ |
| Cầu 14 | | | | | | 0,0 | 0 | | | |
| Đăk Nông | 25,1 | 34,3 | 18,3 | 35,7 | 15,2 | 0,0 | 0 | 68 | 22 | 82,6 |
| Đăk Mil | 23,8 | 31,1 | 19,2 | 32,8 | 17,5 | 0,0 | 0 | 66 | 31 | 99,9 |
| Đức Xuyên | | | | | | 0,0 | 0 | | | |
| Đăk Mâm | | | | | | 0,0 | 0 | | | |
| Đăk Drông | | | | | | 0,0 | 0 | | | |
| Năm N'Jang | | | | | | 0,0 | 0 | | | |
| Quảng Khê | | | | | | 0,0 | 0 | | | |
| Kiến Đức | | | | | | 0,0 | 0 | | | |
| Đăk Ngo | | | | | | 0,0 | 0 | | | |
| Đăk Buk So | | | | | | 0,2 | 1 | | | |

Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

| Sông | Trạm | Yếu tố | Thực đo 10 ngày qua | | | Dự báo | | | | | | | | |
|----------|-----------|-----------------------|---------------------|----------|-----------|------------|----------|-----------|-------------|----------|-----------|-------------------|----------|-----------|
| | | | | | | 5 ngày đầu | | | 6 ngày cuối | | | Đặc trưng 11 ngày | | |
| | | | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất |
| Đăk Nông | Đăk Nông | H (cm) | 58923 | 58932 | 58903 | 58925 | 58940 | 58915 | 58920 | 58935 | 58910 | 58923 | 58940 | 58910 |
| | | Q (m ³ /s) | 66.4 | 70.3 | 58.0 | 67.3 | 73.8 | 63.0 | 65.1 | 71.6 | 60.9 | 66.0 | 73.8 | 60.9 |
| EaKrông | Cầu 14 | H (cm) | 30206 | 30272 | 30145 | 30205 | 30270 | 30140 | 30200 | 30265 | 30135 | 30203 | 30270 | 30135 |
| | | Q (m ³ /s) | 275 | 447 | 209 | 273 | 437 | 204 | 266 | 419 | 200 | 269 | 437 | 200 |
| Krông Nô | Đức Xuyên | H (cm) | 42056 | 42123 | 41992 | 42050 | 42120 | 41990 | 42040 | 42115 | 41985 | 42045 | 42120 | 41985 |

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm

